

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/DS-PT

Ngày: 11/8/2021.

V/v tranh chấp: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Hiệu;

Bà Lê Thị Phương Thanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLPT ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc khởi kiện: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXPT- DS ngày 26/7/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn M, 1975.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

2.Bị đơn: Chị Phạm Thị O, 1964.

Địa chỉ: Làng M, xã T, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị H, 1968.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, Các bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn M trình bày:*

Ngày 04/3/2008, gia đình chị Phạm Thị O có mua của anh 10 tấn phân bón với số tiền là 38.000.000đ, hai bên thỏa thuận đến ngày 30/12/2008 chị O sẽ thanh toán, nếu không trả đủ thì chị O sẽ phải chịu lãi suất 20%/năm đối với số tiền còn nợ. Sau khi thỏa thuận và giao nhận phân bón, chị O đã viết giấy nhận phân bón theo nội dung đã thỏa thuận, chị O ký vào phần người nhận phân, còn chị Bùi Thị H ký vào phần người thừa kế. Việc viết giấy thỏa thuận mua bán và giao nhận

phân bón tại nhà chị Phạm Thị N ở thôn Hưng Sơn, xã Ngọc Khê (nay là khu phố Hưng Sơn, thị trấn NL), huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, khi giao nhận phân bón có mặt chị O và chị Hải. Việc chị O trình bày ngày 05/3/2008, anh có đến nhà chị Phạm Thị N để bốc lại toàn bộ số phân về là không đúng.

Đến hẹn anh nhiều lần yêu cầu chị O trả tiền, nhưng chị O, không thanh toán cho anh đồng nào. Do vậy anh có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị O phải trả cho anh số tiền theo giấy nhận phân bón ngày 04/3/2008 gồm:

Tiền phân bón còn nợ 38.000.000đ và tiền lãi 1,6% tính từ ngày 04/3/2009 đến ngày 04/3/2020 là 132 tháng = 80.256.000đ. Tổng số tiền nợ và tiền lãi chị O phải trả là: **118.256.000đ** (Một trăm mười tám triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

** Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn chị Phạm Thị O trình bày:*

Ngày 04/3/2008 chị có mua phân bón của anh Phạm Văn M, số lượng 10 tấn với số tiền là 38.000.000đ. Sau khi mua phân với anh M chị có gửi số phân bón đó tại gia đình chị Phạm Thị N ở khu phố Hưng Sơn, thị trấn NL.

Ngày 05/3/2008 anh M đã thuê xe Biển kiểm soát 36M1369 của anh Trịnh Văn H cùng với anh Phạm Văn B và anh Hà Công T đều ở thôn Đ, xã N đến nhà chị Phạm Thị N bốc lại toàn bộ số phân bón chị mua của anh M và chở về nhà chị Phạm Thị Thúy ở thôn Đ, xã N, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa nhờ chị Thúy bán số phân đó.

Khi anh M giao phân bón cho chị thì chị không có mặt, việc gửi phân bón ở nhà chị N là chị đã nói với chị N trước và được chị N đồng ý, sau đó chị thông báo cho anh M bỏ phân bón tại nhà chị N, còn việc viết giấy nhận phân bón với anh M là viết trước khi anh M giao phân bón. Việc chị H ký vào giấy nhận phân bón là do chị nhờ chị H, không liên quan gì đến trách nhiệm trả nợ của chị H. Sau 02 ngày anh M giao phân bón cho chị tại nhà chị N thì chị và chị N đi chợ gặp nhau, chị N có nói là anh M đã bốc hết số phân bón đó về, nghe chị N nói như vậy nên chị cũng không gặp anh M để hủy hợp đồng.

Năm 2009 chị có nghe chồng chị là Phạm Văn Đ nói anh M đến nhà đòi nợ tiền phân bón và đến năm 2020 anh M đã đến nhà gặp chị đòi nợ tiền phân bón. Chị xác định không được sử dụng số phân bón mua của anh M nên không đồng ý trả số tiền mua phân bón cả gốc và lãi là 118.256.000đ cho anh M.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/01/2021, chị Bùi Thị H trình bày:*

Do thân quen với chị Phạm Thị O nên ngày 04/3/2008 chị O có nhờ chị ký vào giấy nhận phân của anh Phạm Văn M với tư cách là người thừa kế, để chị O nhận phân bón với anh Phạm Văn M, chị O nói mọi trách nhiệm chị O sẽ chịu hết, chị không phải chịu trách nhiệm gì, vì vậy chị mới ký, chị không được chứng kiến việc chị O nhận phân bón của anh M. Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị O phải chịu trách nhiệm trong việc mua bán phân bón với anh M ngày 04/3/2008.

** Tại bản tự khai ngày 03/01/2021, chị Phạm Thị N trình bày:*

Ngày 04/3/2008, chị O có gửi tại gia đình chị 10 tấn phân bón, đến ngày 05/3/2008 anh M đã thuê xe ô tô đến chở số phân đó về, chị có hỏi anh M chị O không lấy nữa à, anh M trả lời với chị là “*chị O không có tiền và cũng chưa có tiền đặt cọc, nên tôi lên bốc lại*”. Đến ngày hôm sau chị đi chợ gặp chị O, chị đã nói cho chị O biết việc anh M đã bốc phân bón của chị O gửi tại nhà của chị.

** Tại bản 03/01/2021, chị Phạm Thị T trình bày:*

Chị không biết gì về việc mua bán phân bón giữa anh M và chị O, thời điểm tháng 3/2008 gia đình chị không kinh doanh phân bón và chị cũng không thuê ai chở phân bón đến nhà chị. Việc chị O khai anh Bình, anh Thủy dùng xe ô tô chở phân bón đến nhà chị là không đúng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản tự khai ngày 28/01/2021, anh Hà Công T trình bày:*

Việc mua bán phân bón giữa anh M với bà O, chị Hải anh không biết, anh không được anh M thuê đi bốc phân bón ngày nào.

** Tại bản tự khai ngày 28/01/2021, anh Phạm Văn B trình bày:*

Việc mua bán phân bón giữa anh M với bà O anh không biết, từ năm 2008 đến nay anh không được anh M thuê đi bốc phân lần nào.

** Tại bản tự khai ngày 28/01/2021, anh Trình Thanh N trình bày:*

Năm 2008 anh có xe ô tô và thuê anh Phạm Văn T lái xe chở mía thời vụ cho nhà máy đường, trong thời gian đó anh T có nhận chở phân cho anh M hay không thì anh không biết, từ trước đến nay anh không cho lái xe chở phân bón cho anh M lần nào.

** Tại bản tự khai ngày 22/3/2021, anh Phạm Văn T trình bày:*

Năm 2007 và năm 2008 anh có lái xe thuê cho anh Trình Thanh N, xe ô tô Biển kiểm soát 36M 1369 chở mía cho nhà máy đường Lam Sơn. Trong thời gian lái xe anh không được chở phân bón cho anh Phạm Văn M lần nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của TAND huyện NL đã Quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; 431; 440 Bộ luật dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn M: Buộc chị Phạm Thị O phải trả cho anh Phạm Văn M số tiền mua phân bón ngày 04/3/2008 còn nợ và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 118.256.000đ (*Một trăm mười tám triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

+ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M đối chị Bùi Thị H.

+ Giành quyền cho chị Phạm Thị O khởi kiện chị Phạm Thị N theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/ 5/2021, chị Phạm Thị O nộp đơn kháng cáo tại TAND huyện NL với nội dung:

Ngày 04/3/2008 chị có hợp đồng mua 10 tấn phân bón với anh M, nhưng vì chị chưa có tiền nên ngày 05/3/2008 anh M đã thuê xe lấy lại hết số phân bón 10 tấn. Do không hiểu biết nên từ năm 2008 đến nay chị không hủy hợp đồng. Nay anh M khởi kiện và được TAND huyện NL xử buộc bà trả cả gốc và lãi 118.256.000đ là oan cho gia đình chị. Chị không đồng ý trả số tiền trên cho anh M.

Ngày 07/ 6/2021, Viện kiểm sát nhân tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 05/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án sơ thẩm của TAND huyện NL với nội dung:

+ Bản án sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là sai về tố tụng và nội dung, vì giao dịch dân sự đã thực hiện xong từ năm 2008, từ đó đến nay giữa chị O và anh M không có thêm thỏa thuận nào khác, đến tháng 12/2008 chị O không trả nợ cho anh M nên quyền và lợi ích của anh M đã bị xâm phạm. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng mua bán là 03 năm, do đó thời hiệu khởi kiện đã hết.

+ Bản án sơ thẩm áp dụng điều luật của Bộ luật dân sự 2015, nhưng đối chiếu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 về điều khoản chuyển tiếp thì phải áp dụng Bộ luật dân sự 2005.

Do bản án sơ thẩm áp dụng sai quy định về thời hiệu khởi kiện và nội dung điều luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa thay đổi nội dung kháng nghị theo hướng: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, xác định thời hiệu khởi kiện đang còn, buộc chị O trả nợ gốc cho anh M và phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005; đề nghị sửa án phí dân sự giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xử sơ thẩm, VKSND tỉnh Thanh Hóa kháng nghị, bị đơn chị Phạm Thị O kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của TAND huyện NL trong thời hạn quy định nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xem xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án:

Tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định: “*Về thời hiệu được áp dụng theo Bộ luật dân sự 2015.*”

Tại Điều 155 Bộ luật dân sự 2015 quy định các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện bao gồm:

“...2. Bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác;

4.Trường hợp khác do luật quy định.”

Quá trình giải quyết tại Tòa án, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 04/3/2008, anh Phạm Văn M có chở đến bán cho chị Phạm Thị O 10 tấn phân bón (NTK), với tổng số tiền 38.000.000đ, việc giao nhận phân bón diễn ra tại nhà chị Phạm Thị N ở thôn Hưng Sơn, xã Ngọc Khê, huyện NL (chị Phạm Thị N người quen của chị O, được chị O nhờ gửi phân bón), giữa anh M và chị O thỏa thuận đến ngày 30/12/2008 chị O phải thanh toán, nếu không thanh toán đầy đủ thì chị O phải chịu lãi suất 20% đối với số tiền còn nợ, phù hợp với “Giấy nhận phân đầu tư NTK 684 năm 2008” hai bên đã ký ngày 04/3/2008 (BL02), phù hợp với lời khai chị Phạm Thị N xác nhận ngày 04/3/2008 chị O có gửi tại nhà chị 10 tấn phân bón (BL26).

Theo Giấy nhận nợ nêu trên, thời hạn chị O phải trả số tiền 38.000.000đ là ngày 30/12/2008, sau ngày đó nếu không trả được thì chị O phải trả lãi suất, việc thỏa thuận chịu lãi không quy định thời hạn khi nào thì kết thúc, do vậy được coi là việc gia hạn thời hạn trả nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát thay đổi nội dung kháng nghị xác định thời hiệu khởi kiện của anh M đang còn là có căn cứ và phù hợp, do đó được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án: Tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 có quy định:

“c, Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết”;

Kể từ ngày 04/3/2008, giữa anh M và chị O không có thêm thỏa thuận nào khác, chị O không thắc mắc về số lượng, chủng loại, giá cả và không chứng minh được việc anh M đã đơn phương hủy bỏ hợp đồng và thuê xe đến bốc lấy lại toàn bộ số phân bón (do chị không có tiền), do đó hợp đồng mua bán giữa hai bên đã hoàn tất từ năm 2008.Theo đó, việc anh M khởi kiện yêu cầu chị O trả số tiền gốc và tiền lãi là quan hệ pháp luật về tranh chấp buộc thực hiện nghĩa trả tiền và được áp dụng quy định tại Điều 299, Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán theo Điều 430, 431; 440 của Bộ luật dân sự 2015 là không chính xác, tuy nhiên không sai về bản chất của vụ án, cần sửa bản án sơ thẩm về áp dụng luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị O không đồng ý trả nợ tiền gốc, tiền lãi do mua phân bón cho anh M, thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị O trình bày: Sau khi mua phân bón của anh M, chị có gửi số phân bón đó tại gia đình chị Phạm Thị N, nhưng vì chị không có tiền nên đến ngày 05/3/2008 anh M đã thuê xe ô tô BKS

36M1369 của anh Trình Thanh N và cùng với anh Phạm Văn B, anh Hà Công T (ở thôn Đ, xã N, huyện NL) đến nhà chị N bốc lại toàn bộ số phân bón mang đến nhà chị Phạm Thị Thúy (ở thôn Đ, xã N, huyện NL) để nhờ chị T bán hộ với lý do chị không có tiền, lời khai chị Phạm Thị N cũng xác nhận sự việc này.

Tuy nhiên, việc bốc 10 tấn phân bón là số lượng lớn, buộc phải có xe ô tô và thuê người bốc, xếp lên xe để chở đi. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa anh M, chị O, chị N và lấy lời khai các nhân chứng có liên quan theo cung cấp của chị O gồm: Chủ xe ô tô BKS 36M1369 là anh Trình Thanh N, lái xe anh Phạm Văn Thống và những người được thuê bốc phân bón là anh Phạm Văn B, anh Hà Công T (BL21), nhưng những người này đều không thừa nhận lời khai của chị O, không có việc anh M thuê xe ô tô và thuê người đến bốc phân bón tại nhà chị Phạm Thị N để chở đi vào ngày 05/3/2008 (BL38,40,42); chị Phạm Thị T khai vào thời điểm tháng 3/2008 chị không kinh doanh phân bón và cũng không có ai chở phân bón đến nhà chị (BL44). Lời khai của chị O và chị N không có căn cứ chứng minh do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc O phải trả lại số tiền gốc mua phân bón cho anh M 38.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Về việc tính lãi suất:

Tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác, hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”*.

Trong giấy nhận phân bón giữa chị O và anh M có thỏa thuận về việc chị O phải chịu lãi suất 20%, do đó lãi suất được tính theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ. Cụ thể, theo Quyết định số 1728/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 5,0%/năm, lãi suất hàng tháng sẽ là 0,42%/tháng, lãi suất chậm trả 150% sẽ là 0,63%.

Về thời gian chịu lãi kể từ ngày 04/3/2009 (ngày bắt đầu chịu lãi) đến ngày 04/3/2020 là 132 tháng (anh M không yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm), số tiền lãi chậm trả chị O phải thanh toán cho anh M sẽ là: $38.000.000đ \times 0,63\% \times 132 \text{ tháng} = 31.600.800đ$. Tổng cộng nợ gốc, lãi chị O phải trả cho anh M là: 69.680.800đ, cần sửa bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên.

[4] Về án phí: Bản án sơ thẩm bị sửa một phần về lãi suất, do đó chị Phạm Thị O không phải chịu án phí phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự giá ngạch tương ứng với số tiền chị O còn phải thanh toán cho anh M theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299; Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; Chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa và một phần kháng cáo của chị Phạm Thị O, sửa một phần bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của TAND huyện NL:

1. Buộc chị Phạm Thị O phải trả cho anh Phạm Văn M số tiền mua phân bón còn nợ là 38.000.000đ và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 31.600.800đ. Tổng cộng gốc và lãi chị Phạm Thị O phải trả cho anh Phạm Văn M là: 69.680.800đ (*Sáu mươi chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn tám trăm đồng*).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2, mục II, Phần A, Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Chị Phạm Thị O phải nộp 3.484.000đ án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch.

Hoàn trả cho chị Phạm Thị O số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0011928 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục THADS huyện NL.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng TCTTr&TĐKT;
- TAND huyện NL;
- VKSND huyện NL;
- Chi cục THADS huyện NL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh

